

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-PT

Ngày: 29-6-2020

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản do
thực hiện công việc không được
ủy quyền và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hàng Lâm Viên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Được

Bà Phạm Thị Anh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chuốt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/TLPT-DS ngày 05/02/2020 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản do thực hiện công việc không được ủy quyền và hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan K, sinh năm: 1931 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm: 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người làm chứng:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2018 và trong quá trình vụ án, nguyên đơn ông Phan K trình bày:

Đầu năm 2008, ông có cho bà Trần Thị S là em ruột của bà Trần Thị H (người chung sống với ông như vợ chồng từ đầu năm 2002 đến năm 2014) mượn số tiền 20.000.000 đồng để xây nhà. Khi cho mượn, không viết giấy tờ, có bà H chứng kiến, không hẹn thời gian trả vì ông nghĩ là người trong nhà nhưng thời gian quá lâu mà bà S không trả cho ông số tiền trên nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S phải trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất Ngân hàng từ năm 2008 đến nay.

Ngoài ra, trước đây, ông có nhờ bà T (không rõ năm sinh, địa chỉ - là chị ruột của bà H, bà S) gửi số tiền 1.600 Đô la Mỹ (do con ông gửi cho ông) vào Ngân hàng tỉnh Hà Tĩnh vì khi đó bà T đang làm việc tại đây. Sau này, có dịp vào thăm, bà T đã rút toàn bộ số tiền trên đem trả cho ông. Tuy nhiên, do có lời qua tiếng lại nên ông ném tiền qua cho bà T, tiền rơi xuống đất, bà H, bà S nhặt và bà H nhờ bà S đổi tiền ra tiền Việt Nam đem gửi Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh S, tỉnh Ninh Thuận vào năm 2012 vì thời gian đó bà H không có chứng minh nhân dân. Nay, ông yêu cầu bà S phải trả lại cho ông số tiền 1.600 Đô la Mỹ và lãi suất tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng nhà nước quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị S trình bày:

Năm 2007, bà có mượn của ông Phan K số tiền 20.000.000 đồng để xây nhà, việc mượn tiền không viết giấy tờ, không ai chứng kiến, không tính lãi, hẹn 03 tháng trả và sau 03 tháng bà đem trả cho ông K. Tuy nhiên, thời gian đó ông K đi Đồng Nai không có nhà nên bà đưa cho bà H số tiền trên. Một thời gian sau, bà có ghé nhà ông K chơi và có báo với ông K việc bà đã đưa số tiền 20.000.000 đồng cho bà H nhưng ông K không có ý kiến gì. Nay ông K cho rằng bà vẫn chưa trả số tiền này là không đúng. Bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Đối với số tiền 1.600 Đô la Mỹ ông K yêu cầu bà trả vì cho rằng bà là người đi gửi tiền là không đúng vì bà không biết số tiền này và từ trước đến nay bà chưa từng gửi ngoại tệ vào Ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án thông báo về chứng cứ do ngân hàng cung cấp thì bà mới biết nhưng bà không nhớ đã nhận gửi số tiền bao nhiêu, gửi năm nào và rút năm nào, nhưng bà nhớ lại đã rút ra và trả lại cho ông K, bà H nên bà không liên quan số tiền 1.600 Đô la Mỹ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Trần Thị H trình bày:

Năm 2007, bà Trần Thị S (em ruột bà) có mượn của ông Phan K (người chung sống với bà như vợ chồng từ cuối năm 2001 đến năm 2015) 20.000.000 đồng, không tính lãi. Khi mượn giữa hai bên không viết giấy tờ, hẹn 03 tháng sẽ trả. Bà biết sự việc này vì bà là người trực tiếp nhận số tiền 20.000.000 đồng từ bà S. Khi đến hạn trả nợ, bà S đem tiền tới trả cho ông K nhưng thời gian đó ông K đi vắng (về Đồng Nai) nên bà S đưa tiền cho bà, lúc trả cũng không viết giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến. Sau khi nhận tiền từ bà S, bà không đưa cho ông K mà giữ lại để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, bà có báo lại với ông K, ông K nghe và không nói gì. Còn số tiền 1.600 Đô la Mỹ mà ông K cho rằng bà S là người đi gửi số tiền này hộ bà là không đúng. Số tiền này do con riêng của ông K gửi về (thành nhiều lần) cho ông K, hiện ông K và bà đã chi tiêu cho sinh hoạt gia đình hết. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ Điều 256, 128 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 22 Pháp lệnh về ngoại hối ngày 13/12/2005; Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan K.

Buộc bà Trần Thị S phải trả cho ông Phan K số tiền 1.600 USD quy đổi Việt Nam đồng là 37.024.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền và nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/11/2019, bị đơn bà Trần Thị S kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bà không đồng ý trả cho ông Phan K số tiền 1.600 Đô la Mỹ.

Ngày 02/12/2019, nguyên đơn ông Phan K kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Trần Thị S phải trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng ông đã cho bà S mượn vào năm 2007. Ngày 14/02/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã mở phiên họp xét kháng cáo quá hạn đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan K và ban hành Quyết

định số 02/2020/QĐ-PT ngày 14/02/2020 về việc không chấp nhận kháng cáo quá hạn của ông K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S theo hướng buộc bà Trần Thị S phải trả cho ông Phan K số tiền 37.024.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Phan K không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Trần Thị S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đơn kháng cáo của bà S trong thời hạn kháng cáo nên được Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết và Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét, giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà S không đồng ý trả cho ông K số tiền 37.024.000 đồng (được quy đổi từ 1.600 Đô la Mỹ).

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chưa chính xác nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh, xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp *“Kiện đòi lại tài sản do thực hiện công việc không được ủy quyền và hợp đồng vay tài sản”*.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị S

[3.1] Bị đơn bà Trần Thị S thừa nhận vào năm 2012 bà có gửi giúp ông Phan K ngoại tệ (Đô la Mỹ) tại Ngân hàng Agribank chi nhánh S nhưng không nhớ chính xác số ngoại tệ.

[3.2] Ông Phan K cho rằng không nhờ bà S gửi tiền giúp vì trước đây ông K nhờ bà T gửi 1.600 Đô la Mỹ vào Ngân hàng tại Hà Tĩnh. Khi bà T mang tiền trả cho ông thì giữa ông và bà T có lời qua tiếng lại, ông K đã ném tiền về phía bà T làm tiền rơi ra, sau đó thì bà H, bà S nhặt tiền và tự ý đi gửi Ngân hàng. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà S gửi tiền của ông K vào ngân hàng là thực hiện công việc không có ủy quyền được quy định tại Điều 594 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3.3] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Trần Thị S phải trả cho ông Phan K số tiền tương ứng với 1.600 Đô la Mỹ là 37.024.000 đồng và bác yêu cầu tính lãi

của ông Phan K đối với 1.600 Đô la Mỹ theo lãi suất của Ngân hàng. Ông Phan K chỉ kháng cáo đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông đối với số tiền cho vay 20.000.000 đồng và đã được Hội đồng xét kháng cáo quá hạn bác đơn kháng cáo quá hạn của ông Phan K. Do đó, trong phạm vi xét xử phúc thẩm còn lại của vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét yêu cầu kháng cáo của bà S mà không thể xem xét các nội dung khác mặc dù 1.600 Đô la Mỹ được Ngân hàng tính lãi từ thời điểm gửi đến ngày 22/4/2014 có số dư gốc là 2000 Đô la Mỹ và dư lãi là 10,15 Đô la Mỹ.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà S và bà H khai rằng 1.600 Đô la Mỹ đã được bà S rút và giao cho bà H để bà H chi tiêu trong quá trình chung sống với ông K. Tuy nhiên, bà H và bà S là chị em ruột nên lời trình bày của bà S, bà H không khách quan. Bà S giao tiền cho bà H khi chưa có sự đồng ý của ông K nên cũng không phát sinh sự kiện pháp lý để chứng minh bà S đã thực hiện việc trả tiền cho ông K. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa bà Trần Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, xét thấy trường hợp bà S và bà H có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nên Tòa án cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm Tòa án cấp sơ thẩm. Bản án sơ thẩm không tuyên bác yêu cầu của ông Phan K kiện bà Trần Thị S phải trả 20.000.000 đồng tiền vay là thiếu sót.

[3.5] Từ những phân tích lập luận nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trần Thị S phải trả cho ông Phan K 37.024.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận tranh luận và kháng cáo của bà Trần Thị S; Chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bà Trần Thị S không được chấp nhận nên bà S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Trần Thị S phải chịu 1.851.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phan K là người cao tuổi nên không phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị S; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện S.

Áp dụng: Điều 26 khoản 2 và 3, Điều 147 khoản 1, Điều 148 khoản 1, Điều 313 khoản 6 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 256, 471, 594 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các điều 12, 27, 29 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị S.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan K. Buộc bà Trần Thị S phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan K 37.024.000 đồng (được quy đổi từ 1.600 Đô la Mỹ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Ông Phan K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Trần Thị S phải chịu 1.851.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng số tiền án phí bà S phải chịu là 2.151.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0019915 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Ninh Thuận nên bà Trần Thị S còn phải nộp 1.851.000 đồng.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29/6/2020)/.

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện S (1);
- Chi cục THADS huyện S (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên